



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0051159

(51)⁷ A44B 19/36

(13) B

(21) 1-2019-03234

(22) 19/06/2019

(30) 2018-117100 20/06/2018 JP

(45) 25/09/2025 450

(43) 25/12/2019 381A

(73) YKK CORPORATION (JP)

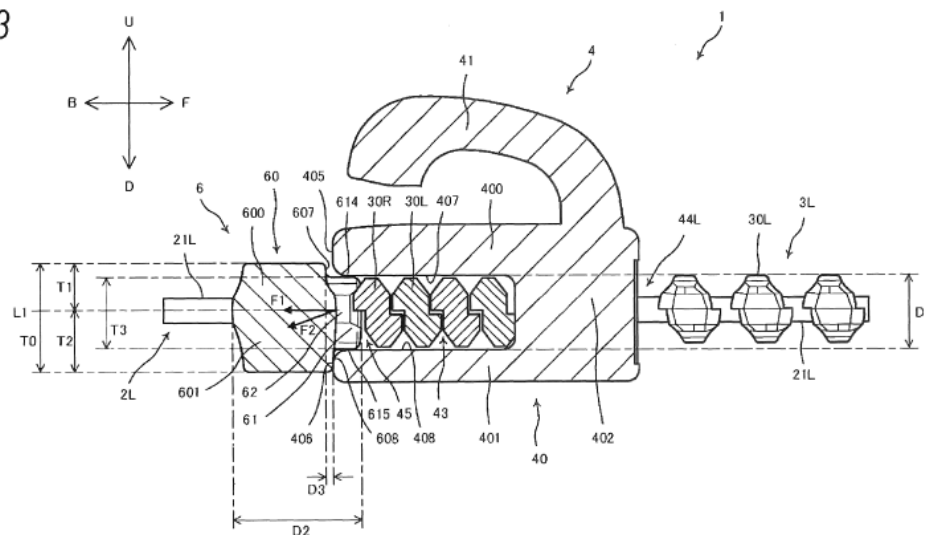
1, Kanda Izumi-cho, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8642, Japan

(72) Masayoshi KOJIMA (JP); Takayuki INUKAI (JP).

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) CỬ CHẶN DƯỚI DÙNG CHO KHÓA KÉO TRƯỢT VÀ KHÓA KÉO TRƯỢT

(57) Sáng chế đề cập đến cỡ chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1). Khóa kéo trượt (1) bao gồm cặp dải khóa kéo (2L, 2R); cặp dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R) lần lượt được tạo ra trên các phần mép (20L, 20R) của các phía đối nhau của cặp dải khóa kéo (2L, 2R); và con trượt (4) có tay kéo (42) và được tạo kết cấu để ăn khớp hoặc nhả khớp cặp dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R) bằng cách di chuyển dọc theo cặp dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R) theo hướng về phía trước hoặc hướng về phía sau phụ thuộc vào hoạt động của tay kéo (42). Cỡ chặn dưới (6) có phần đế (60) kẹp chặt các phần của các phần mép (20L, 20R) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R), các phần này nằm trên các đầu sau (32L, 32R) của cặp dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R). Giả sử rằng bề mặt của các dải khóa kéo (2L, 2R) ở phía, mà tay kéo (42) được tạo ra ở đó, là bề mặt trên (22U) và còn bề mặt của các dải khóa kéo (2L, 2R) ở phía, mà tay kéo (42) không được tạo ra ở đó, là bề mặt dưới (22D), độ dày (T2), theo hướng lên trên và xuống dưới, của phía của phần đế (60), mà được bố trí trên bề mặt dưới (22D) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R) được đặt dày hơn so với độ dày (T1), theo hướng lên trên và xuống dưới, của phía của phần đế (60), mà được bố trí trên bề mặt trên (22U) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R).



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến cỡ chặn dưới dùng cho khóa kéo trượt và khóa kéo trượt.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Thông thường, đối với các cỡ chặn dưới dùng cho các khóa kéo trượt, cỡ chặn dưới là đã biết, cỡ chặn này có chiều rộng gần tương tự như chiều rộng của chi tiết và được tạo kết cấu để chặn sự di chuyển của con trượt nhờ bề mặt chặn của nó nằm đối diện với con trượt mà không làm cho toàn bộ cỡ chặn dưới bị gài vào bên trong con trượt.

Ví dụ, từ tài liệu sáng chế 1, cỡ chặn dưới được bộc lộ, cỡ chặn này có phần nhô lên trên và phần nhô xuống dưới lần lượt được tạo ra trên bề mặt trên và bề mặt dưới của cỡ chặn dưới và được tạo kết cấu để làm tăng độ dày của cỡ chặn dưới về phía bề mặt chặn của nó. Cỡ chặn dưới bộc lộ từ tài liệu sáng chế 1 được tạo kết cấu để làm cho độ dày của phần trên của nó và độ dày của phần dưới bằng nhau nhờ phần nhô lên trên và phần nhô xuống dưới được tạo ra trên đó, nhờ vậy giới hạn độ dày của toàn bộ cỡ chặn dưới trong khi bảo đảm lực chặn để chặn sự di chuyển của con trượt.

Tài liệu sáng chế 1: Công bố đơn sáng chế số WO 2017/104008

Là một trong số các tính chất biểu thị độ bền của khóa kéo trượt, đã biết đến độ bền xé rách cỡ chặn dưới biểu thị độ bền chống lại sự đứt gãy mà, khi các dải khóa kéo bên trái và bên phải được kéo theo hướng bên trái và bên phải ở trạng thái mà trong đó con trượt đã được di chuyển đến cỡ chặn dưới, cỡ chặn dưới bị xé rách theo hướng bên trái và bên phải. Là một trong số các kỹ thuật để làm tăng độ bền xé rách cỡ chặn dưới, việc tăng độ dày của cỡ chặn dưới được tính đến.

Tuy nhiên, trong cỡ chặn dưới được bộc lộ từ tài liệu sáng chế 1, độ dày của phần trên và phần dưới bằng nhau. Do đó, để tăng độ dày của cỡ chặn dưới, độ dày của phần trên và độ dày của phần dưới thường được tăng đều. Tuy nhiên, nếu độ dày của phần trên được tăng, phần nhô lên trên được nhô lên cao so với bề mặt trên của các dải khóa kéo. Kết quả là, phần nhô lên trên dễ bị móc vào các ngón tay, vải, máy may và các thứ tương tự, do vậy làm giảm khả năng sử dụng của khóa kéo trượt và hiệu quả công việc khi may nó.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Sáng chế đã được tạo ra nhằm giải quyết các vấn đề nêu trên, và mục đích của sáng chế là đề xuất cử chặn dưới dùng cho khóa kéo trượt và khóa kéo trượt, mà trong đó độ bền xé rách cử chặn dưới có thể được gia tăng mà không làm giảm khả năng sử dụng của khóa kéo trượt và hiệu quả công việc khi may nó.

Theo một phương án thực hiện, sáng chế đề xuất cử chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1), trong đó khóa kéo trượt (1) bao gồm cặp dải khóa kéo (2L, 2R); cặp dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R) lần lượt được tạo ra trên các phần mép (20L, 20R) của các phía đối nhau của cặp dải khóa kéo (2L, 2R); và con trượt (4) có tay kéo (42) và được tạo kết cấu để ăn khớp hoặc nhả khớp cặp dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R) bằng cách di chuyển dọc theo cặp dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R) theo hướng về phía trước hoặc hướng về phía sau phụ thuộc vào hoạt động của tay kéo (42),

trong đó cử chặn dưới (6) có phần đế (60) kẹp chặt các phần của các phần mép (20L, 20R) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R), các phần này nằm trên các đầu sau (32L, 32R) của cặp dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R),

trong đó, giả sử rằng bề mặt của các dải khóa kéo (2L, 2R) ở phía, mà tay kéo (42) được tạo ra ở đó, là bề mặt trên (22U) và còn bề mặt của các dải khóa kéo (2L, 2R) ở phía, mà tay kéo (42) không được tạo ra ở đó, là bề mặt dưới (22D), độ dày (T2), theo hướng lên trên và xuống dưới, của phía của phần đế (60), mà được bố trí trên bề mặt dưới (22D) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R) được đặt dày hơn so với độ dày (T1), theo hướng lên trên và xuống dưới, của phía của phần đế (60), mà được bố trí trên bề mặt trên (22U) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R).

Trong cử chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1), khi con trượt (4) di chuyển theo hướng về phía sau và sau đó tiếp xúc tỷ vào phần đế (60), phía dưới của phần đế (60) tiếp xúc tỷ vào con trượt (4) trước khi phía trên của phần đế (60) tiếp xúc tỷ vào con trượt (4).

Trong cử chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1), bề mặt đối diện phía phần đế dưới (608) của phía dưới của phần đế (60), mà được bố trí đối diện với con trượt (4), được định vị xa hơn về phía trước so với bề mặt đối diện phía phần đế trên (607) của phía trên của phần đế (60), mà được bố trí đối diện với con trượt (4).

Cử chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1), trong đó cử chặn này còn có:

phần nhô (61) nhô về phía đầu sau (32L, 32R) của dây chi tiết khóa kéo (3L, 3R) tạo ra trên phần mép (20L, 20R) của một dải khóa kéo (2L, 2R) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R) trong khi kẹp chặt phần mép (20L, 20R) của một dải khóa kéo (2L, 2R),

trong đó phần nhô (61) được bố trí giữa bề mặt đối diện phía phần đế trên (607) của phía trên của phần đế (60), mà được bố trí đối diện với con trượt (4) và bề mặt đối diện phía phần đế dưới (608) của phía dưới của phần đế (60), mà được bố trí đối diện với con trượt (4); và

phần nghiêng (62) được làm nghiêng từ một phần của phần nhô (61), mà kẹp chặt phần mép (20L, 20R) của một dải khóa kéo (2L, 2R), về phía một phần của phần đế (60), mà kẹp chặt phần mép (20L, 20R) của dải khóa kéo (2L, 2R) kia.

Theo phương án khác, sáng chế đề xuất khóa kéo trượt (1) bao gồm:

cặp dải khóa kéo (2L, 2R);

cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) lần lượt được tạo ra trên các phần mép (20L, 20R) của các phía đối nhau của cặp dải khóa kéo (2L, 2R);

con trượt (4) có tay kéo (42) và được tạo kết cấu để ăn khớp hoặc nhả khớp cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) bằng cách di chuyển dọc theo cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) theo hướng về phía trước hoặc hướng về phía sau phụ thuộc vào hoạt động của tay kéo (42); và

cữ chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4.

Các hiệu quả có lợi của sáng chế

Theo chữ chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1) và khóa kéo trượt (1) theo một phương án thực hiện sáng chế, độ dày (T2), theo hướng lên trên và xuống dưới, của phía của phần đế (60), mà được bố trí trên bề mặt dưới (22D) của các dải khóa kéo (2L, 2R), được đặt dày hơn so với độ dày (T1), theo hướng lên trên và xuống dưới, của phía của phần đế (60), mà được bố trí trên bề mặt trên (22U) của các dải khóa kéo (2L, 2R). Do đó, có thể tăng tổng độ dày của phần đế (60) mà không làm nhô lên phía trên của phần đế (60) cao so với bề mặt trên của các dải khóa kéo (2L, 2R). Kết quả là, độ bền xé rách chữ chặn dưới có thể được gia tăng mà không làm giảm khả năng sử dụng của khóa kéo trượt (1) và hiệu quả công việc khi may nó.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là hình chiếu đứng dạng sơ đồ thể hiện khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế.

Fig.2 thể hiện khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế, trong đó Fig.2(a) là hình chiếu đứng dạng sơ đồ thể hiện trạng thái ngay trước khi con trượt 4 tiếp xúc tỳ vào chữ chặn dưới 6, và Fig.2(b) là hình chiếu đứng dạng sơ đồ thể

hiện trạng thái mà trong đó con trượt 4 đã tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6.

Fig.3 là hình vẽ mặt cắt theo đường A-A của khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế, thể hiện trạng thái mà trong đó con trượt 4 đã tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6.

Fig.4 là hình chiếu cạnh từ bên phải của khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế, thể hiện trạng thái mà trong đó con trượt 4 đã tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6.

Fig.5 thể hiện cỡ chặn dưới 6 theo một phương án thực hiện sáng chế, trong đó Fig.5(a) là hình vẽ phối cảnh thể hiện cỡ chặn dưới 6 ở trạng thái kẹp chặt các dải khóa kéo 2L, 2R và Fig.5(b) là hình vẽ phối cảnh thể hiện cỡ chặn dưới 6 ở trạng thái một khối.

Fig.6 thể hiện cỡ chặn dưới 6 theo một phương án thực hiện sáng chế, trong đó Fig.6(a) là hình chiếu đứng, Fig.6(b) là hình chiếu cạnh từ bên trái, Fig.6(c) là hình chiếu cạnh từ bên phải, Fig.6(d) là hình chiếu bằng và Fig.6(e) là hình chiếu từ dưới lên.

Mô tả chi tiết sáng chế

Khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế sẽ được mô tả dưới đây có dựa vào các hình vẽ kèm theo.

Fig.1 là hình chiếu đứng dạng sơ đồ thể hiện khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế. Fig.2 thể hiện khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế, trong đó Fig.2(a) là hình chiếu đứng dạng sơ đồ thể hiện trạng thái ngay trước khi con trượt 4 tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6, và Fig.2(b) là hình chiếu đứng dạng sơ đồ thể hiện trạng thái mà trong đó con trượt 4 đã tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6.

Như được thể hiện trên Fig.1, khóa kéo trượt 1 bao gồm cặp dải khóa kéo bên trái 2L và bên phải 2R; cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R lần lượt được tạo ra trên các phần mép 20L, 20R của các phía đối nhau cặp dải khóa kéo bên trái 2L và bên phải 2R; con trượt 4 để ăn khớp hoặc nhả khớp cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R bằng cách di chuyển dọc theo cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R theo hướng về phía trước hoặc hướng về phía sau phụ thuộc vào hoạt động của tay kéo 42; cặp cỡ chặn trên bên trái 5L và bên phải 5R lần lượt được tạo ra trên các đầu trước 31L, 31R của cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R; và cỡ chặn dưới 6 tạo ra trên các đầu sau 32L, 32R của cặp dây

chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R.

Trong khi đó, trong khóa kéo trượt 1 theo sáng chế, hướng (hướng lên trên và xuống dưới so với bề mặt trang giấy trên Fig.1), mà con trượt 4 di chuyển dọc theo đó, được gọi là “hướng về phía trước và về phía sau” (hướng F-B) và được biểu thị bởi các mũi tên F, B. Cụ thể là, hướng (hướng lên trên so với bề mặt trang giấy trên Fig.1), mà con trượt 4 di chuyển dọc theo đó về phía các đầu trước 31L, 31R của các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R, được gọi là “hướng về phía trước,” và như hướng ngược lại với nó, hướng (hướng xuống dưới so với bề mặt trang giấy trên Fig.1), mà con trượt 4 di chuyển dọc theo đó về phía các đầu sau 32L, 32R của các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R, được gọi là “hướng về phía sau.”

Ngoài ra, như hướng vuông góc với bề mặt của các dải khóa kéo 2L, 2R, hướng (hướng bên trái và bên phải so với bề mặt trang giấy trên Fig.1), nằm vuông góc với hướng về phía trước và về phía sau (hướng F-B), được gọi là “hướng bên trái và bên phải” (hướng L-R) và được biểu thị bởi các mũi tên L, R. Hơn nữa, hướng trước và sau của các dải khóa kéo 2L, 2R (hướng trước và sau của bề mặt trang giấy trên Fig.1) được gọi là “hướng lên trên và xuống dưới” (hướng U-D) và được biểu thị bởi các mũi tên U, D. Cụ thể là, bề mặt của các dải khóa kéo 2L, 2R (phía trước của bề mặt trang giấy trên Fig.1), mà tay kéo 42 được tạo ra trên đó, được gọi là “bề mặt trên 22U,” và như bề mặt đối diện với nó, bề mặt của các dải khóa kéo 2L, 2R (phía sau của bề mặt trang giấy trên Fig.1), mà tay kéo 42 không được tạo ra trên đó, được gọi là “bề mặt dưới 22D.”

Mỗi cặp dải khóa kéo bên trái 2L và bên phải 2R là vật dạng dải mềm và được bố trí sao cho hướng chiều dài của vật dạng dải kéo dài theo hướng về phía trước và về phía sau. Các phần mép 20L, 20R kéo dài theo hướng về phía trước và về phía sau lần lượt được tạo ra trên các phía của cặp dải khóa kéo bên trái 2L và bên phải 2R, các phía này nằm đối diện nhau theo hướng bên trái và bên phải. Các sợi dây lõi 21L, 21R, chúng lõi theo hướng lên trên và xuống dưới, lần lượt được tạo ra trên các phần mép 20L, 20R để kéo dài dọc theo hướng kéo dài của các phần mép 20L, 20R. Ví dụ, các dải khóa kéo 2L, 2R được dệt hoặc dệt kim bằng các sợi xơ và được may vào vải, mà khóa kéo trượt 1 được gắn vào đó.

Mỗi cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R có các chi tiết 30L, 30R bố trí ở các bước định trước dọc theo các sợi dây lõi tương ứng 21L, 21R tạo ra trên các phần mép tương ứng 20L, 20R. Các chi tiết 30L, 30R được đúc áp lực bằng vật liệu nhựa tổng hợp và do vậy được gắn cố định vào các sợi dây lõi tương ứng

21L, 21R theo cách để kẹp chặt các sợi dây lõi 21L, 21 theo hướng lên trên và xuống dưới. Trên Fig.1, các đoạn của các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R, mà được bố trí về phía sau hơn so với con trượt 4, đang ở trạng thái ăn khớp, trong khi các đoạn của các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R, mà nằm về phía trước hơn so với con trượt 4, đang ở trạng thái nhả khớp. Theo cách khác, các chi tiết 30L, 30R có thể được tạo ra, ví dụ, từ vật liệu kim loại hoặc các vật liệu tương tự, thay cho vật liệu nhựa tổng hợp.

Fig.3 là hình vẽ mặt cắt theo đường A-A của khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế, thể hiện trạng thái mà trong đó con trượt 4 đã tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6. Fig.4 là hình chiếu cạnh từ bên phải của khóa kéo trượt 1 theo một phương án thực hiện sáng chế, thể hiện trạng thái mà trong đó con trượt 4 đã tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6.

Như được thể hiện trên Fig.1, Fig.3 và Fig.4, con trượt 4 bao gồm thân 40 được tạo kết cấu để cho phép cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R được gài vào trong đó; phần gắn tay kéo 41 được tạo ra trên bề mặt trên của thân 40; và tay kéo 42 (không được thể hiện trên Fig.2(A) và Fig.2(b), Fig.3 và Fig.4) được gắn lắp được vào phần gắn tay kéo 41. Con trượt 4 được tạo ra, ví dụ, từ vật liệu nhựa tổng hợp, vật liệu kim loại hoặc các vật liệu tương tự.

Như được thể hiện trên Fig.3 và Fig.4, thân 40 bao gồm cánh trên 400; cánh dưới 401, mà được bố trí đối diện với cánh trên 400 theo hướng lên trên và xuống dưới; trụ nổi 402 nối cánh trên 400 với cánh dưới 401; các phần vành gờ trên 403 dựng đứng xuống dưới từ các phần mép theo chu vi bên trái và bên phải tương ứng của cánh trên 400; và các phần vành gờ dưới 404 dựng đứng lên trên từ các phần mép theo chu vi bên trái và bên phải tương ứng của cánh dưới 401.

Ngoài ra, thân 40 còn bao gồm bề mặt đối diện phía cánh trên 405, là bề mặt phía đầu sau của cánh trên 400 và đối diện với cỡ chặn dưới 6; bề mặt đối diện phía cánh dưới 406, là bề mặt phía đầu sau của cánh dưới 401 và đối diện với cỡ chặn dưới 6; bề mặt dưới cánh trên 407, là bề mặt dưới của cánh trên 400; và bề mặt trên cánh dưới 408, là bề mặt trên của cánh dưới 401. Bề mặt đối diện phía cánh trên 405 và bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 có mối quan hệ bố trí hướng về phía trước và về phía sau, mà trong đó bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 được bố trí ở vị trí gần tương tự như vị trí của bề mặt đối diện phía cánh trên 405 theo hướng về phía trước và về phía sau.

Hơn nữa, con trượt 4 bao gồm đường dẫn chi tiết dạng hình chữ Y 43 được tạo ra trong khoảng trống giữa cánh trên 400 và cánh dưới 401 bởi trụ nổi 402, các

phần vành gờ trên 403 và các phần vành gờ dưới 404. Cụ thể là, ở phía đầu trước của con trượt 4, khoảng trống giữa các phần vành gờ trên 403 và các phần vành gờ dưới 404 được phân chia thành các phía bên trái và bên phải bởi trụ nổi 402, nhờ vậy tạo ra cặp phần lỗ trước bên trái 44L và bên phải 44R. Ngoài ra, ở phía đầu sau của con trượt 4, phần lỗ sau 45 được tạo ra giữa các phần vành gờ trên 403 và các phần vành gờ dưới 404. Theo cách này, đường dẫn chi tiết dạng hình chữ Y 43 được tạo ra dưới dạng khoảng trống nổi thông cặp phần lỗ trước bên trái 44L và bên phải 44R với phần lỗ sau 45.

Con trượt 4 làm cho các dây chi tiết khóa kéo nhả khớp 3L, 3R đi vào đường dẫn chi tiết 43 qua cặp phần lỗ trước bên trái 44L và bên phải 44R và do vậy ăn khớp các dây chi tiết khóa kéo nhả khớp 3L, 3R vào nhau, bằng cách di chuyển dọc theo cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R theo hướng về phía trước.

Mặt khác, bằng cách di chuyển dọc theo cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R theo hướng về phía sau, con trượt 4 làm cho các dây chi tiết khóa kéo ăn khớp 3L, 3R đi vào đường dẫn chi tiết 43 qua phần lỗ sau 45 và do vậy nhả khớp các dây chi tiết khóa kéo ăn khớp 3L, 3R ra khỏi nhau. Sau đó, bằng cách di chuyển hơn nữa theo hướng về phía sau từ trạng thái ngay trước khi tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6, như được thể hiện trên Fig.2(a), con trượt 4 tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6, như được thể hiện trên Fig.2(b), Fig.3 và Fig.4.

Theo cách này, do con trượt 4 di chuyển dọc theo cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R theo hướng về phía trước và về phía sau, cặp dải khóa kéo bên trái 2L và bên phải 2R được mở hoặc đóng.

Như được thể hiện trên Fig.1, mỗi cặp cỡ chặn trên bên trái 5L và bên phải 5R được gắn cố định vào các phần mép tương ứng 20L, 20R của các dải khóa kéo 2L, 2R trong khi kẹp chặt các phần của các sợi dây lõi tương ứng 21L, 21R, các phần này nằm trên các đầu trước 31L, 31R của cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R. Ví dụ, các cỡ chặn trên 5L, 5R được tạo ra từ vật liệu nhựa tổng hợp.

Các cỡ chặn trên 5L, 5R được tạo kết cấu để tiếp xúc tỳ vào thân 40 của con trượt 4 khi con trượt 4 di chuyển theo hướng về phía trước và sau đó đi đến các đầu trước 31L, 31R của các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R, nhờ vậy ngăn không cho con trượt 4 rơi ra khỏi các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R.

Fig.5 thể hiện cỡ chặn dưới 6 theo một phương án thực hiện sáng chế, trong đó Fig.5(a) là hình vẽ phối cảnh thể hiện cỡ chặn dưới 6 ở trạng thái kẹp chặt các dải khóa kéo 2L, 2R và Fig.5(b) là hình vẽ phối cảnh thể hiện cỡ chặn dưới 6 ở trạng

thái một khối. Fig.6 thể hiện cử chặn dưới 6 theo một phương án thực hiện sáng chế, trong đó Fig.6(a) là hình chiếu đứng, Fig.6(b) là hình chiếu cạnh từ bên trái, Fig.6 (c) là hình chiếu cạnh từ bên phải, Fig.6(d) là hình chiếu bằng và Fig.6(e) là hình chiếu từ dưới lên.

Như được thể hiện trên Fig.5(a), cử chặn dưới 6 kẹp chặt các phần của các sợi dây lõi 21L, 21R, các phần này nằm trên các đầu sau 32L, 32R của các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R, và còn được gắn cố định vào các phần mép 20L, 20R của các dải khóa kéo 2L, 2R trong khi ôm từ hai phía các dải khóa kéo 2L, 2R, nhờ vậy nối cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R vào nhau. Ví dụ, cử chặn dưới 6 được tạo ra từ vật liệu nhựa tổng hợp, và tổng chiều rộng của nó theo hướng bên trái và bên phải bằng chiều rộng của các chi tiết bên trái và bên phải, tức là, khoảng cách giữa phần đầu bên trái của chi tiết bên trái 30L và phần đầu bên phải của chi tiết bên phải 30R.

Như được thể hiện trên Fig.5 và Fig.6, cử chặn dưới 6 có phần đế 60 kẹp chặt các phần của các sợi dây lõi 21L, 21R tạo ra trên các phần mép tương ứng 20L, 20R của cặp dải khóa kéo bên trái 2L và bên phải 2R, các phần này nằm trên các đầu sau 32L, 32R của cặp dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L và bên phải 3R; phần nhô 61 được bố trí ở phía trước của phần đế 60; và phần nghiêng 62 được bố trí giữa một phần của phía trước của phần đế 60, mà phần nhô 61 không được bố trí trên đó, và phần nhô 61.

Như được thể hiện trên Fig.3 và Fig.4, cử chặn dưới 6 được tạo kết cấu để cho phép phần đế 60 tiếp xúc tỳ vào thân 40 của con trượt 4 khi con trượt 4 di chuyển theo hướng về phía sau và sau đó đi đến các đầu sau 32L, 32R của các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R, nhờ vậy ngăn không cho con trượt 4 rơi ra khỏi các dây chi tiết khóa kéo 3L, 3R. Lúc này, phần nhô 61 và phần nghiêng 62 không tiếp xúc tỳ vào thân 40 của con trượt 4, nhưng được tiếp nhận trong phần lõ sau 45, phần này là khoảng trống được bao quanh bởi cánh trên 400 và cánh dưới 401, các cánh này được bố trí theo hướng lên trên và xuống dưới, và còn các phần vành gờ trên 403 và các phần vành gờ dưới 404, trong đó chúng được bố trí theo hướng bên trái và bên phải.

Phần đế 60 có phần đế trên 600 tạo ra phía trên của phần đế 60; phần đế dưới 601 tạo ra phía dưới của phần đế 60; và phần nối 602 nối phần đế trên 600 với phần đế dưới 601.

So với đường tâm L1 giữa bề mặt trên 22U và bề mặt dưới 22D của các dải

khóa kéo 2L, 2R, độ dày T2, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế dưới 601 được bố trí trên bề mặt dưới 22D của các dải khóa kéo 2L, 2R dày hơn so với độ dày T1, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế trên 600 được bố trí trên bề mặt trên 22U của các dải khóa kéo 2L, 2R. Trong đó kích thước, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế 60 là độ dày T0, độ dày T1 của phần đế trên 600 và độ dày T2 của phần đế dưới 601 ($T2 > T1$) được đặt theo cách sao cho tỷ lệ của độ dày T2 của phần đế dưới 601 với độ dày T0 của phần đế 60 ($= (T2/T0) \times 100$), ví dụ, nằm trong khoảng từ 51% đến 75% và còn tỷ lệ của độ dày T1 của phần đế trên 600 với độ dày T0 của phần đế 60 ($= (T1/T0) \times 100$), ví dụ, nằm trong khoảng từ 25% đến 49%.

Ngoài ra, phần đế 60 bao gồm, trên bề mặt dưới của phần đế trên 600, hai bề mặt kẹp chặt sợi dây lõi trên 603 có dạng nửa hình tròn và được tạo ra ở các vị trí trên đó đối xứng theo hướng bên trái và bên phải; và hai bề mặt kẹp chặt dải khóa kéo trên 604 được tạo ra tương ứng bên ngoài, theo hướng bên trái và bên phải, hai bề mặt kẹp chặt sợi dây lõi trên 603. Hơn nữa, phần đế 60 bao gồm, trên bề mặt trên của phần đế dưới 601, hai bề mặt kẹp chặt sợi dây lõi dưới 605 có dạng nửa hình tròn và được tạo ra ở các vị trí trên đó đối xứng theo hướng bên trái và bên phải; và hai bề mặt kẹp chặt dải khóa kéo dưới 606 được tạo ra tương ứng bên ngoài, theo hướng bên trái và bên phải, của hai bề mặt kẹp chặt sợi dây lõi dưới 605.

Do bề mặt dưới của phần đế trên 600 và bề mặt trên của phần đế dưới 601 được định vị đối diện nhau ngang qua phần nối 602, phần đế 60 được tạo kết cấu để kẹp chặt các sợi dây lõi 21L, 21R giữa hai bề mặt kẹp chặt sợi dây lõi trên 603 và hai bề mặt kẹp chặt sợi dây lõi dưới 605 và còn kẹp chặt các dải khóa kéo 2L, 2R giữa hai bề mặt kẹp chặt dải khóa kéo trên 604 và hai bề mặt kẹp chặt dải khóa kéo dưới 606.

Hơn nữa, phần đế 60 bao gồm, ở bề mặt trước của phần đế trên 600, bề mặt đối diện phía phần đế trên 607, mà được bố trí đối diện với bề mặt đối diện phía cánh trên 405 của con trượt 4. Hơn nữa, phần đế 60 bao gồm, ở bề mặt trước của phần đế dưới 601, bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608, mà được bố trí đối diện với bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 của con trượt 4.

Bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 và bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 có mối quan hệ bố trí hướng về phía trước và về phía sau, mà trong đó bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608, được định vị xa hơn về phía trước so với bề mặt đối diện phía phần đế trên 607. Trong đó kích thước, theo hướng về phía trước và về

phía sau, của cỡ chặn dưới 6 là chiều dài D2 và còn khoảng cách, theo hướng về phía trước và về phía sau, giữa bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 và bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 là khoảng cách D3, bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608, được định vị xa hơn về phía trước so với bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 theo cách sao cho tỷ lệ của khoảng cách D3 với chiều dài D2 ($= (D3/D2) \times 100$), ví dụ, nằm trong khoảng từ 1% đến 20%, tốt hơn là, nằm trong khoảng từ 1,7 đến 8,7%.

Phần nhô 61 được bố trí giữa bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 và bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 và bao gồm phần nhô trên 610 tạo ra phía trên của phần nhô 61 và phần nhô dưới 611 tạo ra phía dưới của phần nhô 61.

Phần nhô 61 bao gồm bề mặt nhô trên 612 và bề mặt nhô dưới 613 lần lượt được tạo ra trên các bề mặt trước của phần nhô trên 610 và phần nhô dưới 611. Bề mặt nhô trên 612 và bề mặt nhô dưới 613 nhô về phía đầu sau 32L của dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L tạo ra trên phần mép 20L của dải khóa kéo bên trái 2L, là một dải khóa kéo của cặp dải khóa kéo bên trái và bên phải, trong khi kẹp chặt sợi dây lõi 21L, mà được tạo ra trên phần mép 20L của dải khóa kéo bên trái 2L. Ngoài ra, phần nhô 61 bao gồm phần nhô bề mặt trên 614, là bề mặt trên của phần nhô trên 610, và phần nhô bề mặt dưới 615, là bề mặt dưới của phần nhô dưới 611.

Trong đó kích thước, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần lỗ sau 45 của con trượt 4 là chiều dài D1, độ dày T3, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần nhô 61 được đặt theo cách sao cho tỷ lệ của độ dày T3 của phần nhô 61 với chiều dài D1 ($(T3/D1) \times 100$), ví dụ, nằm trong khoảng từ 60% đến 99%. Khi tỷ lệ của độ dày T3 của phần nhô 61 với chiều dài D1 ($(T3/D1) \times 100$) được tăng, khe hở giữa phần nhô 61 và phần lỗ sau 45 khi phần nhô 61 được tiếp nhận trong phần lỗ sau 45 được giảm. Tức là, khe hở giữa phần nhô bề mặt trên 614 và bề mặt dưới cánh trên 407 và khe hở giữa phần nhô bề mặt dưới 615 và bề mặt trên cánh dưới 408 trở nên hẹp hơn. Kết quả là, có thể giảm việc lắc của con trượt 4 khi con trượt 4 đã tiếp xúc tỳ vào cỡ chặn dưới 6.

Phần nghiêng 62 được bố trí giữa bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 và bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 và bao gồm phần nghiêng trên 620 tạo ra phía trên của phần nghiêng 62 và phần nghiêng dưới 621 tạo ra phía dưới của phần nghiêng 62.

Ngoài ra, phần nghiêng 62 bao gồm bề mặt nghiêng trên 622 và bề mặt nghiêng dưới 623 lần lượt được tạo ra trên các bề mặt trước của phần nghiêng trên 620 và phần nghiêng dưới 621. Bề mặt nghiêng trên 622 và bề mặt nghiêng dưới 623

được làm nghiêng từ các phần của phần nhô trên 610 và phần nhô dưới 611, các phần này kẹp chặt sợi dây lõi 21L, mà được tạo ra trên phần mép 20L của dải khóa kéo bên trái 2L, về phía các phần của phần đế trên 600 và phần đế dưới 601, các phần này kẹp chặt sợi dây lõi 21R, mà được tạo ra trên phần mép 20R của dải khóa kéo bên phải 2R.

Theo khóa kéo trượt 1 có cỡ chặn dưới 6 theo một phương án thực hiện sáng chế, độ dày T2, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế dưới 601 được bố trí trên bề mặt dưới 22D cặp dải khóa kéo bên trái 2L và bên phải 2R được đặt dày hơn so với độ dày T1, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế trên 600 được bố trí trên bề mặt trên 22U cặp dải khóa kéo bên trái 2L và bên phải 2R. Do đó, có thể tăng tổng độ dày của phần đế 60 mà không làm nhô lên phần đế trên 600 cao so với bề mặt trên 22U của các dải khóa kéo 2L, 2R. Kết quả là, độ bền xé rách cỡ chặn dưới có thể được gia tăng mà không làm giảm khả năng sử dụng của khóa kéo trượt 1 và hiệu quả công việc khi may nó.

Ngoài ra, theo khóa kéo trượt 1 có cỡ chặn dưới 6 theo một phương án thực hiện sáng chế, bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 của phần đế dưới 601, mà được bố trí đối diện với con trượt 4, được định vị xa hơn về phía trước so với bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 của phần đế trên 600, mà được bố trí đối diện với con trượt 4. Do đó, khi lực tác động về phía sau được tác động vào tay kéo 42, như bằng cách kéo tay kéo 42 theo hướng về phía sau, và do vậy con trượt 4 di chuyển theo hướng về phía sau và sau đó tiếp xúc tỳ vào phần đế 60, bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 tiếp xúc tỳ vào bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 trước khi bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 tiếp xúc tỳ vào bề mặt đối diện phía cánh trên 405. Ngoài ra, nếu lực tác động về phía sau lớn hơn được tác động vào tay kéo 42, con trượt 4 được quay quanh phần tiếp xúc giữa bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 và bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 theo hướng đưa cánh trên 400 gần đến bề mặt đối diện phía phần đế trên 607, nhờ vậy làm cho bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 tiếp xúc tỳ vào bề mặt đối diện phía cánh trên 405. Lúc này, nếu khe hở giữa phần nhô bề mặt trên 614 và bề mặt dưới cánh trên 407 là hẹp, phần nhô bề mặt trên 614 có thể tiếp xúc tỳ vào bề mặt dưới cánh trên 407.

Ở trạng thái mà trong đó con trượt 4 đã tiếp xúc tỳ vào phần đế 60 như được mô tả trên đây, lực tác động về phía sau, mà được tác động vào tay kéo 42, tác động vào cỡ chặn dưới 6 qua con trượt 4. Do vậy, lực tác động về phía sau, mà được tác động vào tay kéo 42, không tác động dọc theo hướng kéo dài của các sợi dây lõi 21L,

21R (hướng của lực F1 được thể hiện trên Fig.3), mà tác động dọc theo hướng (hướng của lực F2 được thể hiện trên Fig.3) được nghiêng về phía phần đế dưới 601 so với hướng kéo dài của các sợi dây lõi 21L, 21R. Do đó, có thể giảm lực tác động dọc theo hướng kéo dài của các sợi dây lõi 21L, 21R và còn ngăn không cho một phần của cỡ chặn dưới 6, mà kẹp chặt các sợi dây lõi 21L, 21R, bị dịch chuyển xuống dưới. Ngoài ra, đối với lực F2 được thể hiện trên Fig.3, lực, mà tác động vào cỡ chặn dưới 6 qua con trượt 4 do lực tác động về phía sau, mà được tác động vào tay kéo 42, tác động vào phần đế dưới 601, có độ dày của nó theo hướng lên trên và xuống dưới dày hơn so với độ dày của phần đế trên 600. Do đó, có thể gia tăng độ bền của cỡ chặn dưới 6 chống lại sự đứt gãy mà cỡ chặn dưới 6 bị xé rách theo hướng bên trái và bên phải bởi lực tác động về phía sau.

Hơn nữa, theo khóa kéo trượt 1 có cỡ chặn dưới 6 theo một phương án thực hiện sáng chế, phần nhô 61 nhô về phía đầu sau 32L của dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L, mà được tạo ra trên phần mép 20L của dải khóa kéo bên trái 2L trong khi kẹp chặt sợi dây lõi 21L, mà được tạo ra trên phần mép 20L của dải khóa kéo bên trái 2L. Do đó, diện tích của phần của cỡ chặn dưới 6, mà kẹp chặt sợi dây lõi 21L, được tăng bằng lượng nhô của phần nhô 61 về phía đầu sau 32L của dây chi tiết khóa kéo bên trái 3L, nhờ vậy làm tăng độ bền của cỡ chặn dưới 6 kẹp chặt sợi dây lõi 21L của dải khóa kéo 2L.

Hơn nữa, theo khóa kéo trượt 1 có cỡ chặn dưới 6 theo một phương án thực hiện sáng chế, phần nghiêng 62 được làm nghiêng từ một phần của phần nhô 61, phần này kẹp chặt sợi dây lõi 2L, mà được tạo ra trên phần mép 20L của dải khóa kéo bên trái 2L, về phía một phần của phần đế 60, phần này kẹp chặt sợi dây lõi 21R, mà được tạo ra trên phần mép 20R của dải khóa kéo bên phải 2R. Do vậy, phần nghiêng 62 được bố trí trong đoạn được bao quanh bởi phần đế 60, phần nhô 61 và đầu sau 32R của dây chi tiết khóa kéo bên phải 3R. Do đó, có thể giảm khe hở (khoảng trống S được thể hiện trên Fig.2(a)) được tạo ra giữa phần nghiêng 62 và đầu sau 32R của dây chi tiết khóa kéo bên phải 3R. Hơn nữa, phần nghiêng 62 được bố trí ở vị trí, mà lực, lực này làm cho cỡ chặn dưới 6 bị xé rách theo hướng bên trái và bên phải khi các dải khóa kéo 2L, 2R được kéo theo hướng bên trái và bên phải, được tác động vào đó, do vậy làm tăng độ bền xé rách cỡ chặn dưới.

Các phương án khác

Theo phương án nêu trên, như được thể hiện trên Fig.6, độ dày T2, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế dưới 601, được đặt dày hơn so với độ dày

T1, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế trên 600 và còn đồng đều dọc theo hướng về phía trước và về phía sau. Theo cách khác, độ dày, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế dưới 601 có thể được thay đổi dọc theo hướng về phía trước và về phía sau, và còn độ dày, theo hướng lên trên và xuống dưới, của phần đế trên 600 có thể được thay đổi dọc theo hướng về phía trước và về phía sau. Lúc này, độ dày, theo hướng lên trên và xuống dưới, của một phần của phần đế dưới 601, mà lực, lực này làm cho cỡ chặn dưới 6 bị xé rách theo hướng bên trái và bên phải khi các dải khóa kéo 2L, 2R được kéo theo hướng bên trái và bên phải, được tác động vào đó, có thể được đặt dày hơn so với các phần khác.

Ngoài ra, theo phương án nêu trên, như được thể hiện trên Fig.3, bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 và bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 của cỡ chặn dưới 6 có mối quan hệ bố trí hướng về phía trước và về phía sau, mà trong đó bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608, được định vị xa hơn về phía trước so với bề mặt đối diện phía phần đế trên 607, và còn bề mặt đối diện phía cánh trên 405 và bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 của con trượt 4 có mối quan hệ bố trí hướng về phía trước và về phía sau, mà trong đó bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 được bố trí ở vị trí gần tương tự như vị trí của bề mặt đối diện phía cánh trên 405 theo hướng về phía trước và về phía sau. Tuy nhiên, sáng chế không bị giới hạn ở các mối quan hệ bố trí nêu trên, với điều kiện là, khi con trượt 4 di chuyển theo hướng về phía sau và sau đó tiếp xúc tỳ vào phần đế 60, bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 tiếp xúc tỳ vào bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 trước khi bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 tiếp xúc tỳ vào bề mặt đối diện phía cánh trên 405. Ví dụ, bề mặt đối diện phía cánh dưới 406 có thể được định vị xa hơn về phía trước so với bề mặt đối diện phía cánh trên 405, và trong trường hợp này, bề mặt đối diện phía phần đế dưới 608 có thể được bố trí ở vị trí gần tương tự như vị trí của bề mặt đối diện phía phần đế trên 607 theo hướng về phía trước và về phía sau.

Mặc dù các phương án thực hiện sáng chế đã được mô tả trên đây, sáng chế không bị giới hạn ở các phương án nêu trên, nhưng có thể được cải biến thích hợp mà không nằm ngoài phạm vi bảo hộ của sáng chế.

Các số chỉ dẫn

- 1 Khóa kéo trượt
- 2L, 2R Dải khóa kéo
- 3L, 3R Dây chi tiết khóa kéo
- 4 Con trượt

5L, 5R	Cũ chặn trên
6	Cũ chặn dưới
20L, 20R	Phần mép
21L, 21R	Sợi dây lõi
22U	Bề mặt trên
22D	Bề mặt dưới
30L, 30R	Chi tiết
31L, 31R	Đầu trước
32L, 32R	Đầu sau
40	Thân
41	Phần gắn tay kéo
42	Tay kéo
43	Đường dẫn chi tiết
44L, 44R	Phần lỗ trước
45	Phần lỗ sau
60	Phần đế
61	Phần nhô
62	Phần nghiêng
400	Cánh trên
401	Cánh dưới
402	Trụ nổi
403	Phần vành gờ trên
404	Phần vành gờ dưới
405	Bề mặt đối diện phía cánh trên
406	Bề mặt đối diện phía cánh dưới
407	Bề mặt dưới cánh trên
408	Bề mặt trên cánh dưới
600	Phần đế trên
601	Phần đế dưới
602	Phần nổi
603	Bề mặt kẹp chặt sợi dây lõi trên
604	Bề mặt kẹp chặt dải khóa kéo trên
605	Bề mặt kẹp chặt sợi dây lõi trên dưới
606	Bề mặt kẹp chặt dải khóa kéo dưới

- 607 Bề mặt đối diện phía phần đế trên
- 608 Bề mặt đối diện phía phần đế dưới
- 610 Phần nhô trên
- 611 Phần nhô dưới
- 612 Bề mặt nhô trên
- 613 Bề mặt nhô dưới
- 614 Phần nhô bề mặt trên
- 615 Phần nhô bề mặt dưới
- 620 Phần nghiêng trên
- 621 Phần nghiêng dưới
- 622 Bề mặt nghiêng trên
- 623 Bề mặt nghiêng dưới

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Cỡ chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1), trong đó khóa kéo trượt (1) bao gồm cặp dải khóa kéo (2L, 2R); cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) lần lượt được tạo ra trên các phần mép (20L, 20R) của các phía đối nhau của cặp dải khóa kéo (2L, 2R); và con trượt (4) có tay kéo (42) và được tạo kết cấu để ăn khớp hoặc nhả khớp cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) bằng cách di chuyển dọc theo cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) theo hướng về phía trước hoặc hướng về phía sau phụ thuộc vào hoạt động của tay kéo (42),

trong đó cỡ chặn dưới (6) có phần đế (60) kẹp chặt các phần của các phần mép (20L, 20R) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R), các phần này nằm trên các đầu sau (32L, 32R) của cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R),

trong đó, giả sử rằng bề mặt của các dải khóa kéo (2L, 2R) ở phía, mà tay kéo (42) được tạo ra trên đó, là bề mặt trên (22U) và còn bề mặt của các dải khóa kéo (2L, 2R) ở phía, mà tay kéo (42) không được tạo ra trên đó, là bề mặt dưới (22D), độ dày (T2), theo hướng lên trên và xuống dưới, của phía của phần đế (60), mà được bố trí trên bề mặt dưới (22D) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R) được đặt dày hơn so với độ dày (T1), theo hướng lên trên và xuống dưới, của phía của phần đế (60), mà được bố trí trên bề mặt trên (22U) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R),

trong đó bề mặt đối diện phía phần đế dưới (608) của phía dưới của phần đế (60), mà được bố trí đối diện với con trượt (4), được định vị xa hơn về phía trước so với bề mặt đối diện phía phần đế trên (607) của phía trên của phần đế (60), mà được bố trí đối diện với con trượt (4), và

trong đó, khi con trượt (4) di chuyển theo hướng về phía sau và sau đó tiếp xúc tỳ vào phần đế (60), bề mặt đối diện phía phần đế dưới (608) tiếp xúc tỳ vào con trượt (4) trước khi bề mặt đối diện phía phần đế trên (607) tiếp xúc tỳ vào con trượt (4).

2. Cỡ chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1) theo điểm 1, trong đó cỡ chặn này còn có:

phần nhô (61) nhô về phía đầu sau (32L, 32R) của dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) tạo ra trên phần mép (20L, 20R) của một dải khóa kéo (2L, 2R) của cặp dải khóa kéo (2L, 2R) trong khi kẹp chặt phần mép (20L, 20R) của một dải khóa kéo (2L, 2R), trong đó phần nhô (61) được bố trí giữa bề mặt đối diện phía phần đế trên (607) của

phía trên của phần đế (60), mà được bố trí đối diện với con trượt (4) và bề mặt đối diện phía phần đế dưới (608) của phía dưới của phần đế (60), mà được bố trí đối diện với con trượt (4); và

phần nghiêng (62) được làm nghiêng từ một phần của phần nhô (61), mà kẹp chặt phần mép (20L, 20R) của một dải khóa kéo (2L, 2R), về phía một phần của phần đế (60), mà kẹp chặt phần mép (20L, 20R) của dải khóa kéo (2L, 2R) kia.

3. Khóa kéo trượt (1) bao gồm:

cặp dải khóa kéo (2L, 2R);

cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) lần lượt được tạo ra trên các phần mép (20L, 20R) của các phía đối nhau của cặp dải khóa kéo (2L, 2R);

con trượt (4) có tay kéo (42) và được tạo kết cấu để ăn khớp hoặc nhả khớp cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) bằng cách di chuyển dọc theo cặp dây chỉ tiết khóa kéo (3L, 3R) theo hướng về phía trước hoặc hướng về phía sau phụ thuộc vào hoạt động của tay kéo (42); và

cỡ chặn dưới (6) dùng cho khóa kéo trượt (1) theo điểm 1.

Fig. 1

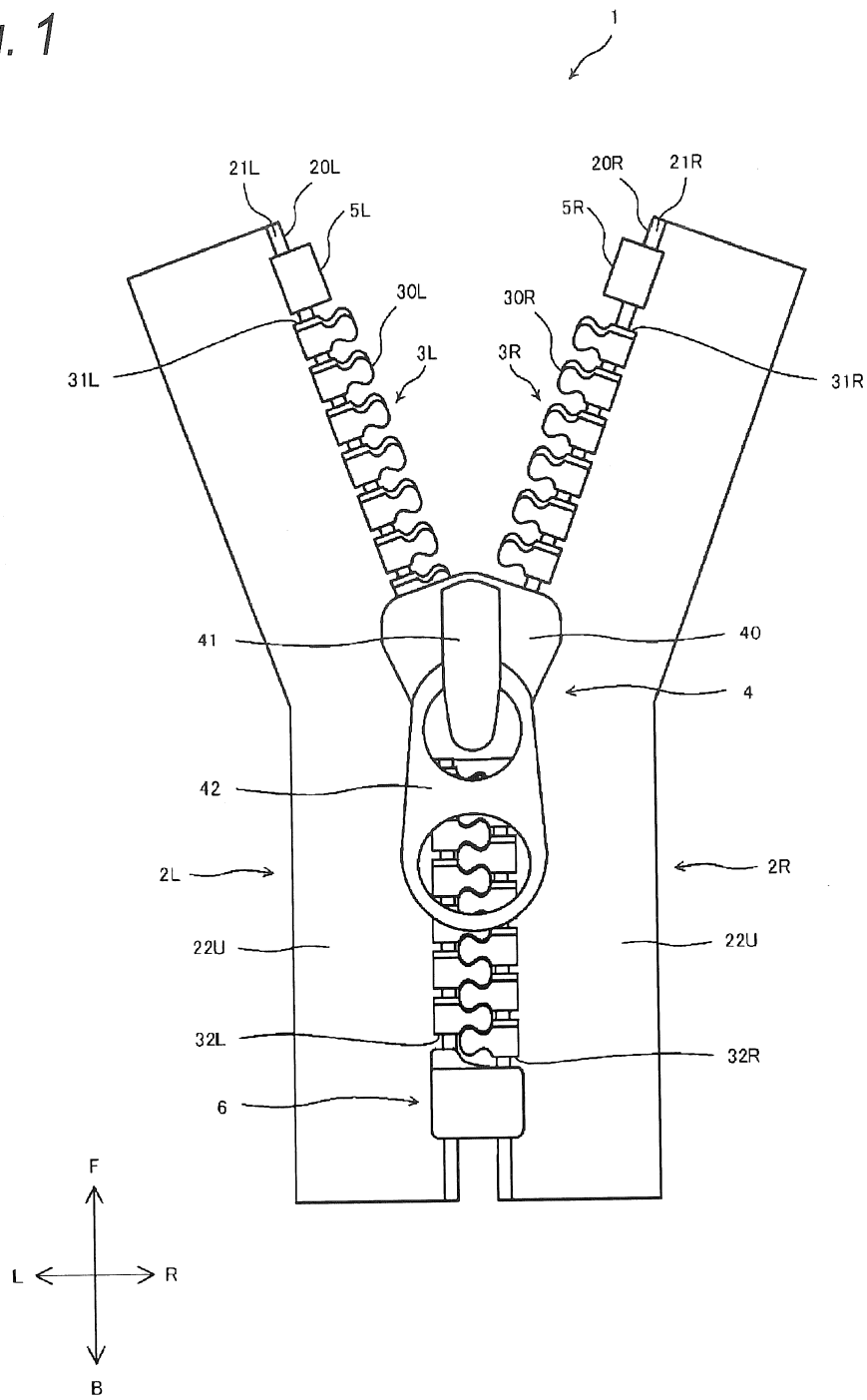
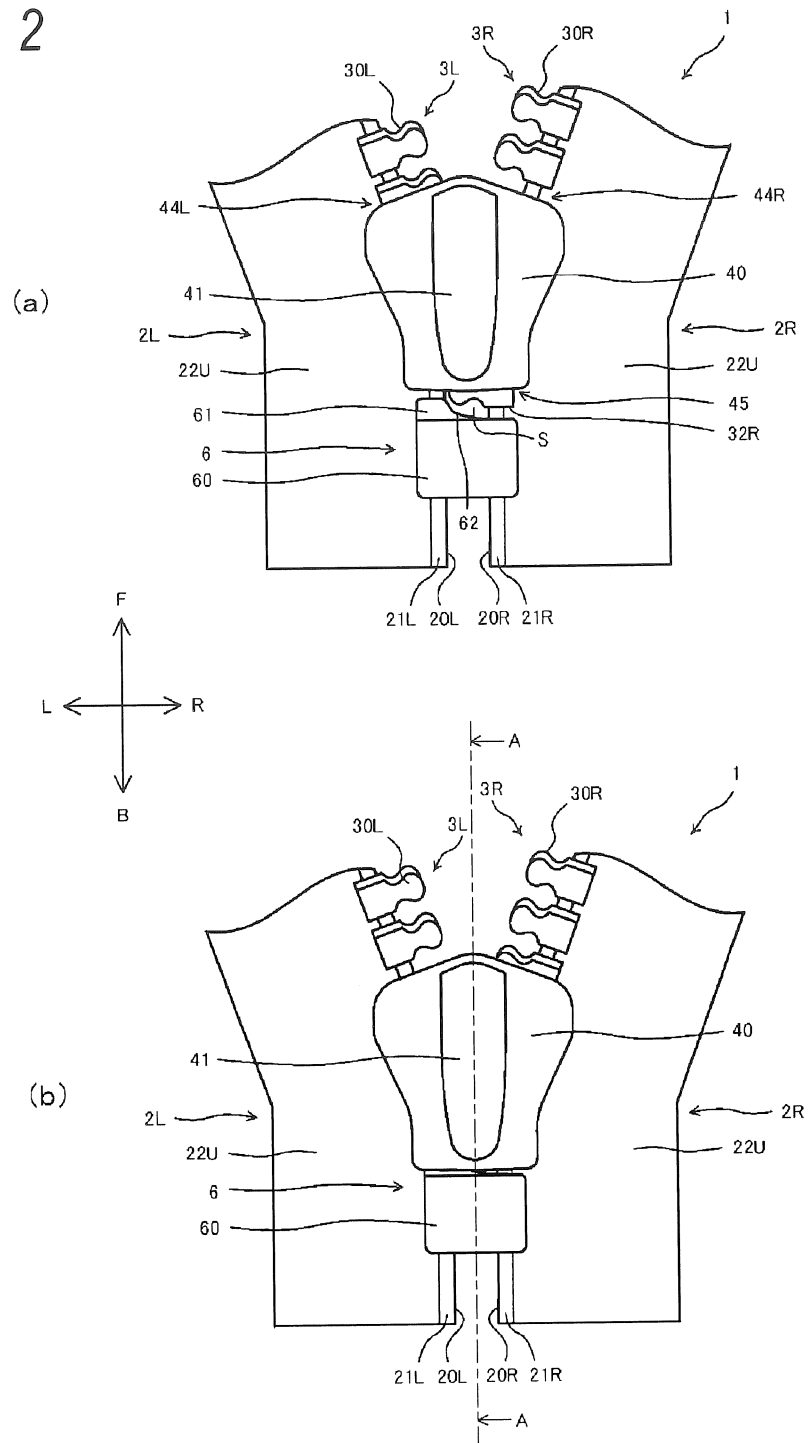


Fig. 2



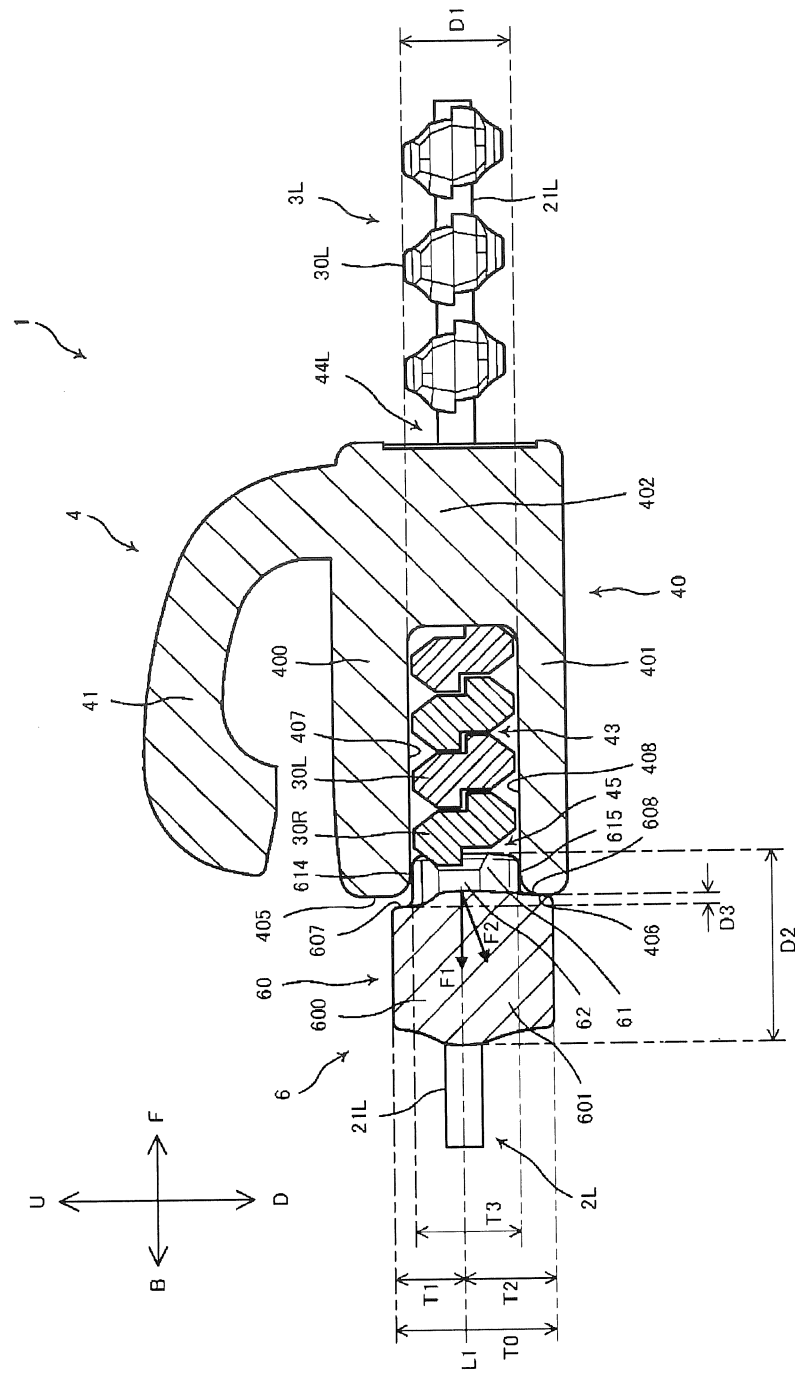


Fig. 3

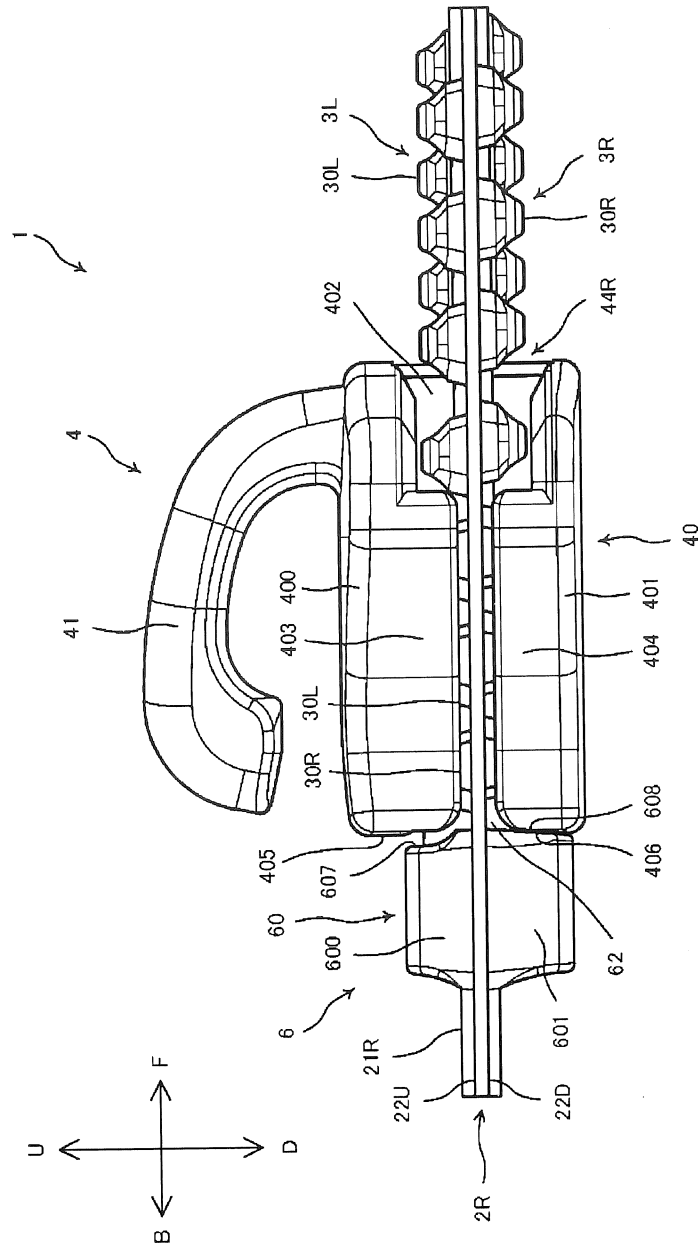


Fig. 4

Fig. 5

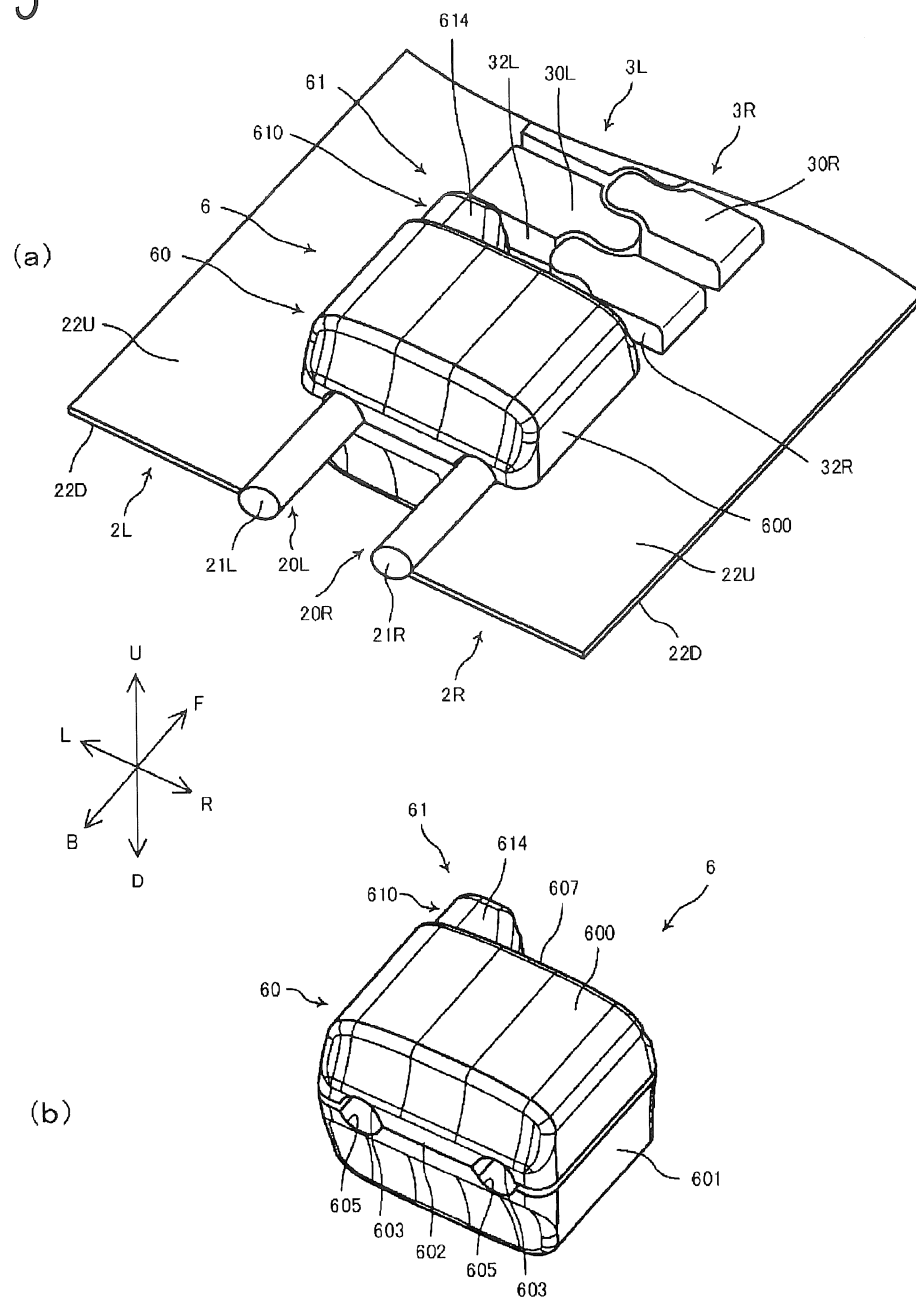


Fig. 6

